

, nhà Địch Nay xuất bản gần năm 1945, ít người biết được vì thời cuộc lúc đó

[\[1\]](#)

Nhiều người biết tới thơ Tố Hanh là qua

Thi Nhân Việt Nam, 1942,

do Hoài Thanh và Hoài Chân trích dẫn, là những bài

Quê Hương

, 1939,

Lời Con Địch Quê

, 1937,

Vu V

, sau đó tên là

Những

ngày nghỉ hè

, 1938, và

Áo

. Riêng bài

Quê Hương

được phổ biến rộng rãi nhờ được in trong các sách giáo khoa bậc tiểu học, theo chương trình

Trần Trọng Kim thời kháng chiến chống Pháp và nhiều khi được đưa tên, như

Làng đánh cá

, ngày nay nhiều người cao tuổi còn nhớ. Tôi mượn Bác và các bạn sau này, bài *Nh*

con sông quê hương

, 1956, được giới thiệu trong các tập phổ thông nên nhiều người biết tới. Tố Hanh là một tác gia có

quần chúng.

Ngoài ra, với một văn học một số người biết tới hai bài

Quê Hương

và

Những ngày nghỉ hè

qua bài giới thiệu trên báo Ngày Nay, Hà Nội, cuối năm 1939 khi nhóm Tố Hữu Văn đoàn trao giới

thiệu cho Tố Hanh. Bài viết có hiệu lực vì ký tên Nhật Linh :

«

Tố Hanh có rất nhiều hồn thơ nên một thi sĩ có tài, ông có một linh hồn rất phong phú, có những rung động rất sâu sắc. Và để diễn tả tâm hồn, ông có một nghệ thuật và cách để tìm câu chữ. Ông chỉ còn chỉ thời gian để gặp nhiều cảnh và viết thêm được nhiều bài thơ hay

[\[2\]](#)

».

Nhật Linh trong bài giới thiệu nhanh và khái quát đã có nhận định tinh tế - cũng như Hoài Thanh sau đó : tâm hồn phong phú, rung động sâu sắc của «

thơ i gian để ghi p nhữ u cả nh

» « cả nh » đây là phong cả nh hay hoàn cả nh. TĐ Hanh không làm thơ bên ng trí thơ ng (imaginaire) như nhữ u nhà thơ khác. Đây là số trở ng cũng là số đo n cả anh.

Trở i dài non 70 năm, sáng tác TĐ Hanh có thơ thu lưu i trong hai chủ « tình cả nh ». Cả nh do tình cả m tho ra như trong

Như

Con Sông Quê Hồng

; tình do cả nh ngh tho ra, như cuộc chia ly Nam Bắc ; cũng có bài thơ hay lưu t ra ngoài quê để o đó, như ng không nhữ u.

Khớ i thơ y thơ TĐ Hanh là thơ học trò, rung cả m cũng tàn theo nhữ ng mùa hoa phổ ng.

Hoa

Niên

ghi m 40 bài ; đã a vào Tuyên n TĐ p 1987 còn lưu i 10 bài, bên rất $\frac{3}{4}$, th lưu ngh c lưu i so vớ i Xuân Diều, tĐ p

Thơ Thơ

, 1938, đã a vào Tuyên n TĐ p 1986 để c $\frac{3}{4}$.

Là Thiêng

cả a Huy Cố n cũng đã i khái như vớ y. Cả ba vở đã u là quan chức quyên thơ , chức là không ai o ép. Nhữ ng ghi t bên đã n $\frac{3}{4}$ tĐ p thơ đã u tay chức cũng có phần đau xót.

Ví dể bài

Quyên vớ Nháp

dù không hay vớ n tiêu biểu u cho để c để m cả a TĐ Hanh, và một t lưu i thơ thơ i để i :

Nhữ ng vở số n bài hay toán, lưu nh

Đã a đã , cách trí... đáng lo âu

Chức như th , đã y đã như ông giáo,

Vớ nháp lời thôi giữ ng học trò.

Hoa Niên, 1945, tr26

Bài này còn có tác động ng số phổ m, đã y các em tĐ p làm văn. Bài

Nhữ ng Đêm TĐ i

để c Hoài Thanh trích để n :

Kìa lên em! Rất cả bên phổ ng trí i,

Đôi mắt to ném lửa sáng muôn nơi...

□□

Hoa Niên, tr 44

Là một bài thơ hay, dù không đúng giọng, như Hoài Thanh đã nhận xét chính xác : «

lửa thi

còn có gì lửa ch so với hồn thi

» (1941). Bài này cũng bẻ lái. Cái Tố Hanh bẻ lái, cái không Tố Hanh cũng bẻ lái, khiến ta nhớ lại Xuân Diệu ví von : giết bao nhiêu con vật mới làm được bát tiệt canh. Và trên non 20 thi phẩm Tố Hanh xuất bản sau này, không rõ có bao nhiêu bài bẻ lái ; nhưng bài được tuyển không phải bài nào cũng hay. Nhiều bài, nhiều câu tuyên truyền lại liêu ngày nay khó được (nhưng được như được bên dưới qua tiếng Pháp, như của Boudarel thì lại xuôi tai. Cũng là một chuyện đáng suy nghĩ).

Nói chung, như kinh nghiệm sáng, học tập và sáng tác, thơ Tố Hanh về sau có phần điều luyện hơn, dù trên các bản anh về trung thành với một phong cách, lâu dần thành một quan niệm lý thuyết.

Tôi muốn viết những bài thơ dài như

Như những lời mồi c mồi c trong ca dao.

□□□□

1957, Tuyển tập, tr 100

Lấy ví dụ các thơ : bài

Bến

làm 1974, mang hơi hướng mới thi lãng mạn thu

Hoa Niên

, những lời thơ trau chuốt, giàu hình tượng và âm điệu hơn :

Em chày ùa ra phía biển xanh

Tóc em trong gió thổi bồng bồng

Em cười đôi mắt long lanh nhìn

Muôn ôm tắt cửa khoàng mông mênh;

Con sóng từ xa khi tôi nhìn đến

Lượn dài uyển chuyển cánh tay giăng

Ướt mình như múa theo chân gió

Hỏi thì phăng trên mặt phăng bồng

Và khi làn xanh vờn cao lên

Bọt tung trào tã bên

Chỉ lúc ghé vào trong tiếng sóng

Lời chào của bạn đến bên em.

Tuyển tập, tr.290

Lời thơ tình tôi, kín đáo, lành mạnh, có thể gửi tặng bạn cho các em như “tuyển tập làm văn”.

Trong nghệ thuật, khó dùng khái niệm tiến bộ, nhưng rõ là bài
Bên

có phần điều luyện hơn thơ thuật ngôn trong

Hoa Niên

cùng mặt đời tài tình. Đây là nghệ thuật nghệ thuật, Tố Hanh thực nghiệm thực tập và học hỏi chứ không phải

“những cách mạng, những nhân dân Tố Hanh đã

đem mặt chết mình cho bạn thân mình, riêng cho mình, rồi Tố Hanh

” như Chế Lan Viên đã viết trong câu kết bài viết cho Tuyển tập Tố p. Viết như vậy, là nói lấy đầu óc, không những là nói sai, mà còn nói ngược c.

Chế Lan Viên thực nghiệm nghệ thuật câu này của Tố Hanh, không ghi xuất xứ :

Sang bên tôi tôi ng ta lia ta,

Mặt tiếng gà lên tiếng nguy t tà.

Câu thơ diễm lệ tâm trạng nghệ thuật nghệ thuật sĩ thi sĩ Pháp thực bực sang đời Cách mạng sau 1945, phần “lời xác” để sáng tác, lia bên con nghệ thuật trí thức tiểu tư sản, mong hòa mình với hiện thực và quần chúng. Câu thơ có hai mặt : một nó, nó có giá trị thi pháp, tân kỳ, hàm súc và gợi cảm. Là câu thơ hay. Nhưng trong ý đồ của tác giả, và nghệ thuật trích dẫn, thì là mặt câu thơ hỏng, vì nó chỉ ng minh nghệ thuật lời dục tâm khi thi y. Rõ ràng là câu thơ trí thức tiểu tư sản suy thoái. Gợi ý ông đừng làm ông. Đây là mặt văn vần văn học lý thú.

Tô Hanh thơ ông kể lại, thời chiến Pháp là thời kỳ sáng tác khó khăn nhất, vì “
có những quan

niềm

chưa được ghi lại rõ ràng trong sáng tác

[3]

.” Anh chưa có được bài

Ngồi ở Đền Bà

Ninh Thuận

, 1952 kể chuyện chiến tranh, không lấy gì làm đặc sắc. Nghiễm cũng lòng : thơ Tô Hanh
thơ ông xuất phát từ một số việc cụ thể : chiến trường, cuộc sống nháp, con đường quê, vậy thì
gặp người giới thiệu hiện thực, thơ anh phải phát hiện điều gì ? Nhất là Tô Hanh hằng hái
tham gia công tác chính quyền từ 1945, được cử làm trưởng ban văn nghệ, tháng 11-1947, hai năm
trở lại Xuân Diêu. Thơ mới hay trong lãnh vực nghệ thuật ý chí chính trị và năng lực sáng tác
không nhất thiết phải sinh đôi. Nhưng vậy thì cái gì lãnh đạo cái gì?

Thơ Tô Hanh bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, lấy một ví dụ : dòng sông

Tràng Giang

cả Huy Cận cũng bắt nguồn từ một con sông nào đó vùng Nghệ Tĩnh , “

lòng là bờ xanh trời bãi vàng

” những vẻ đẹp của con sông vô danh, một hình tượng văn học. Ai hiểu, Huy Cận cũng nói thơ.

Tô Hanh cũng thơ là con sông Trà Bồng, tên nôm là Châu , chảy qua huyện Bình Sơn, cách

cả biển Sa Côn “

nhà ngày sông

”, đúng như tác giả ghi nhận trong bài “

Quê H

”

ng

”, 1939. Khi tập kết ra Bắc, anh

Nhà Con Sông Quê H

”

ng

, 1956, cũng là dòng sông này. Đến ngày đầu tiên

”

ở thành phố mới, vào mùa hè 1975, Tô Hanh

Trên Nhà Con

Sông Quê H

”

ng

, đã mô tả :

Hình dáng con sông thì chiến tranh khác,

Cho dù đời sống dân cư

ở

đã đời thay :

Thuyền máy dẹt ngang cửa sông lòng sông,

Nhà dân chài giăng nhện l

ở

ở ni lông

Màu xanh đời người ánh nắng c.

□□□□□□

Tuyên Tịch, tr 273.

Con tuấn mã,

xa xưa nay biến thành

thuyền máy. Mảnh hồn làng

nay giăng mắc trên

ở ni lông màu xanh đời.

Chữ “ga” gốc tiếng Pháp đã du nhập vào Việt Nam từ lâu, như trong thơ Tố Hữu. Nhưng có lẽ đời bài

Những ngày nghề hạc

, 1938, sân ga mới thành hình tiếng văn học có chức năng truy cập, thay cho những bến đò, những quán trà ngày xưa. Tiếng người ngoài : ở ni lông cũng trở thành hình tiếng văn học, chức năng gì đã kèm theo hình ảnh mới vâng người kính đã trở thành khuôn sáo :

Trên sân những người m ở ni lông

Long lanh mũi đời người bện hình trai

1974, Tuyên Tịch, tr.289

Ba năm sau, 1978, Tô Hanh ở quê.

Cố gắng viết đời thay thêm. Người dân đắp đập trên sông để ngăn nước lũ dâng theo thủy triều, làm chua đất, “

thoát khỏi đây cửa nh

ruộng phèn” :

Nghề nông vui, nghề biển thêm vui,

Thuyền máy đi nhanh như cá bơi

Chiều về con đò đông như chèo

Bến đò bơi trên sóng rừng ngói

1978, Tuyển tập, tr. 308

So với bài

Quê Hương

, 1939, thì với những yếu tố, những quan điểm thay, tâm tình cũng đổi mới. Những câu trúc thi pháp của Tố Hữu vẫn như thi sĩ trước. Bài

Thuyền máy về con

sông xưa

này gồm 10 khổ, làm theo lối thơ song, đơn tuyến (linéaire) không khác bài thơ đầu tay

Lời con Đò về quê

bên mặt nước bao nhiêu, với một câu trúc. Chúng ta khó đưa ra một nhận xét như thơ về thơ Huy Cận hay Xuân Diệu – và đây chỉ so sánh những tác giả có thể so sánh.

Chúng ta thấy đã đi vào một phạm trù đa diện công nghệ và sâu sắc hơn: câu thơ trong thi pháp mặt nhà thơ mà Tố Hữu thành ví dụ.

Suốt đời thơ Tố Hữu như nhà kể chuyện: chuyện đời mình, chuyện gia đình, giòng sông, cây mù u. Chắc anh cũng chông chênh tình đầu, mà ý thơ cứ đơn, cứ đơn như thơ. Dòng thơ giản đơn tuyến câu trúc

□

duy Tố Hữu, ít nhất là

□

duy sáng tạo. Ví dụ một thi sĩ giản trong

Quê Hương

□ □

ng

. Bởi đó tác giả đo không gian bằng thi sĩ,

cách biển nếm ngày sông,

như tuôn theo thi sĩ khác:

sáng mai hôm... ngày hôm sau..., con thuyền im bến..., nay xa cách

. Rồi đơn như những đơn giản chuyện đời:

bên thuyền

đi..., đón ghe về..., nếm..., t

□

□ *ng như*

.... Trong khi đó dòng

Tràng

Giang

Chị a Huy Còn xuôi chèo bên ngoài thềm gian :

Lòng quê dần dần vào con n

g

g c

Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

Thềm gian, dòng sông, chị a Huy Còn, mùa xuân khói hoàng hôn, có thể là chị a Ulysse trong truyện Homère hay chị a Thôi Hữu chèo qua Lưu Hoàng Húc. Thềm gian trong Tổ Hanh là thềm gian cổ thơ, có ngày có tháng, sáng tối trong th

g

. Cấu trúc thi pháp th

g

Tổ Hanh theo tuyến tính, là cấu trúc truyện kể (structure narrative) bài

Nhớ Con Sông Quê H

ng

cũng vậy

“Quê h

ng

ng tôi có..., tâm hồn tôi là..., bên bè tôi..., chúng tôi lên..., tôi hôm nay..., tôi sẽ v

...”

Lời con Đón Ng Quê

bài thơ được tay làm 1937 cấu trúc chìm cũng dễ khái quát th.

Muốn kể chuyện, một là phải có chuyện, hai là cần có người nghe. Lưu Chi Sĩ đã cung cấp cho Tổ Hanh cả hai điều kiện này. Trong một thềm gian dài, mình biết đã có một quần chúng đông đảo nghe thơ, không phải vì phạm chèo thi ca mà vì nghệ thuật kể chuyện kể có vẻ như một hồi thục được diễn ca.

Mở Suốt, Theo chân Bác

Chị a Tô Hữu và rất nhiều bài thơ khác thuộc dòng đó, thậm chí còn phức tạp sinh động hơn Trống ca. Còn về đề tài, với Tổ Hanh là chuyện đi tị nạn chia ly sau Hiệp định Genève 1954, hai năm sum họp, trở thành hai mùa xuân khói lửa. Anh làm rất nhiều thơ về niềm nhớ quê hương Nam Bắc trong thềm gian nhớ nhà. Và chúng ta thấy Tổ Hanh phức tạp hơn đi hay ngược lại, thềm đi phức tạp cho Tổ Hanh, cung cấp một câu thơ bất ngờ trong ý thơ và tiếng thơ, là thềm gian. Và một quần chúng quần chúng đi, quần chúng đi trong hai nghĩa. Nói như vậy, không phải là phạm tội tài hoa của a Tổ Hanh mà Nhật Linh đã hé lộ từ 1939. Nghệ thuật nói rằng : một số bài thơ thành công và được truyền tụng anh là do tài hoa, tinh tế của trí tuệ, mà cũng có phần nhờ ngoại cảnh. Ngoại cảnh hai điều kiện, phần tình cảm, vô thức là tuyến tính trong sáng tạo, và phần ý chí, là Lưu Chi Sĩ, là sự kiên trì và quần chúng. Trống ca hời hợt Tổ Hanh chưa chắc đã cá biệt ; giới thuyết cho

riêng thoáng : giá các vị thầy sinh muộn muộn năm, thì có thể vị n có mặt Tố Hữu, mà chắc hẳn đã có Xuân Diệu.

Hoàn cảnh khách quan thuận lợi cho Tố Hữu, lợi là trình độ và thi pháp : tuy nhiên tính không phải là ưu thế của thi ca đời chiêu và văn xuôi. Mặt mặt, văn xuôi đời tuy nhiên, đời thơ mặt mặt ; thơ chân chân, vòng vo, đi tới đi lui. Nói theo Valéry : văn xuôi, so với thơ, như là đi bộ so với khiêu vũ. Mặt khác thơ không gọi n bó với hiện thực, sống kín mà có khi còn bất ngờ n thơ hời hợt ng, thơ m chí hoang đường. Thích thơ Tố Hữu ng đời không bẻ mé học, vì thơ Tố Hữu thi u chốt hoang đời đời làm nên mặt tinh hồn riêng trên trình thơ Việt Nam.

Tố Hữu là nhà thơ bình dị, đời với văn học với những bài thơ học trò chân chân. Trong phong trào Thơ Mới vào giai đoạn đã hoàn thành và tân kỳ, thơ Tố Hữu vẫn hồn hời hợt. Tiếp cận với thơ Âu Tây rất sớm, Tố Hữu không chịu ảnh hưởng bao nhiêu, vì không cảm thấy được những hình ảnh xa lạ hay những rung cảm mới mẻ. Mặt cách tự nhiên thoải, tâm hồn non trẻ của anh chân rung đời đời những hình ảnh thân quen : dòng sông quê, con đường đời; hiện đời là sân ga với những

toa đời n những khổ đau

Sau này, sau 1955, kinh nghiệm sống phong phú hơn, kiến thức thơ thơ giai đời đời dào dạt, thơ Tố Hữu vẫn bình dị, và anh thành công nhất những suy cảm bình dị, như những bài thơ n của tâm cảm, n của chính luận, trong thời kỳ đấu tranh thơ những n của nhà

Những thơ anh nhiều câu thơ tẻ quá, nhiều bài nôm na, thô thiển khi ca ngợi tuyên truyền hay khi tách rời ra khỏi những môi trường thân thực, ví dụ như bài *Lê Nin và bản nhạc Bét tô ven*, khi thi ở Liên Xô,

1967 (Tuyển tập, tr 220).

Trong những ngời có đời với trong phong trào Thơ Mới 1932-1945, Tố Hữu là ngời cuối cùng vĩnh biệt chúng ta. Với những tác gia Thơ Mới tôi đã có nhiều bài, riêng với Tố Hữu, tôi chưa từng viết được gì, trong khi với tôi, anh là ngời thân thiết nhất. Vì viết với anh rất khó, không thể nói riêng với mặt khía cạnh nào đó của thơ anh mà không đặt chung vào toàn thể của thơ Tố Hữu. Nói riêng với mặt đời tài, mặt bài thơ nào đó của Tố Hữu là học học và làm ngời đời đời học học.

Trong bài này, tôi chỉ quan cho riêng đã đề

x
uất vài đời với chính yếu và tâm huyết, với hồn thơ và thi pháp mặt mặt đàn anh thân thiết.

Như Tố Hữu.

Như mặt ngày hè xa như thơ những những mùa Hè cũ.

Đồng Tiến n

Orléans 15.8.2009

[1] *Hoa Niê*n đã để c in là i, cùng vớ i nhiều u thi phổ m khác trong phong trào Thơ Mới, thành một t bộ . Nxb Hội Nhà văn, 1992, TPHCM. Và trong sách *Thơ Mới, tác giả và tác phẩm m*, nxb Hội Nhà văn, 1998, Hà Nội.

Thơ trong bài này trích từ *Tuyên n Tờ p TĐ Hanh*, nxb Văn Học, 1987, Hà Nội.

[2] Nhà t Linh, do Vũ Đng Trí Nhàn trích dẫn trong *Nghiệp Văn*, tr 234, nxb Văn Hóa Thông Tin, 2001, Hà Nội.

Theo bài *TĐ Hanh Là i Con Đồng ng Quê* trong *Cây Bút Đồng i Người i* của Vũ Đng Trí Nhàn, trên blog VTN, chính TĐ Hanh cung cấp bài này cho VTN.

[3] TĐ Hanh

, *Nhà Văn Việt Nam, chân dung từ hà a* . Là i Nguyễn Ân và Ngô Thơ o biên soạn, tr.99, nxb Văn Học, 1995, Hà Nội.